TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164/2017/DS-PT
Ngày: 27 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng
Các Thẩm phán: Bà Trịnh Xuân Trúc
Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2017/DSST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 62B, đường X, khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đặng Minh H- Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Ngọc D, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Lưu Chí L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Anh Lê Ngọc D – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phạm Thanh H trình bày: Ngày 06 tháng 3 năm 2012 anh có cho anh Lê Ngọc D mượn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tháng. Anh D có viết biên nhận nợ. Khi hết thời hạn trả nợ anh có đến gặp anh D đòi tiền nhiều lần, nhưng anh

D vẫn chưa trả số tiền trên, nên ông Lê Văn C là cha ruột của anh D đồng ý bảo lãnh và có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh D. Ông C có viết giấy bảo lãnh nợ, thời hạn đến tháng 6 năm 2013 ông C sẽ trả cho anh 25.000.000 đồng, đến tháng 01 năm 2014 ông C sẽ trả tiếp 25.000.000 đồng.

Quá trình vay và bảo lãnh, anh D có trả lãi cho anh 2 lần là 4.000.000 đồng, ông C có trả lãi là 3.000.000 đồng. Hiện ông C còn nợ anh tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25 tháng 25 ngày bằng số tiền 14.531.000 đồng (mức lãi suất 1,125%/tháng), tổng số tiền nợ 64.531.000 đồng. Đối trừ số tiền anh D và ông C đã trả 7.000.000 đồng, ông C còn nợ lại 57.531.000 đồng. Nay anh yêu cầu ông C trả số tiền 57.531.000 đồng.

Ông Lê Văn C trình bày: Ông thừa nhận có viết giấy bảo lãnh nợ cho anh D với số tiền 50.000.000 đồng. Trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ 02 lần như anh H trình bày, nhưng không có thỏa thuận lãi suất. Việc ông viết giấy bảo lãnh là do anh H ép buộc, lúc đó không có mặt D. Ông cũng chưa biết D nợ tiền gì, sau đó mới biết D nợ tiền cá cược bóng đá của Lưu Chí L, nên vay tiền của H để trả cho L.

Ông xác định trước đó D có trả tiền lãi cho H 10.000.000 đồng, khoảng 01 tháng sau kể từ ngày viết giấy bảo lãnh ông có trả tiền gốc cho H 3.500.000 đồng, ông yêu cầu đối trừ số tiền đã trả 13.500.000 đồng vào tiền gốc (40.000.000 đồng), còn lại 26.500.000 đồng. Ông đồng ý trả cho anh H số tiền 26.500.000 đồng.

Anh Lê Ngọc D trình bày: Anh thừa nhận có nợ tiền cá cược bóng đá của L 40.000.000 đồng, nên có vay tiền của anh H 40.000.000 đồng để trả nợ cho L. Khi vay có viết biên nhận, thời hạn trả nợ là 01 tháng. Giữa L với anh H đối trừ số tiền trên với nhau, anh không có nhận tiền mặt từ anh H. Sau khi vay anh có đóng lãi cho anh H 05 lần là 10.000.000 đồng. Sau đó anh không có khả năng đóng lãi cho anh H nữa. Đến ngày 06/3/2012 anh đồng ý làm lại giấy nhận nợ với số tiền 50.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 10.000.000 đồng), thời hạn trả nợ là 01 tháng. Hết thời hạn trên anh vẫn không có tiền trả nợ cho anh H. Anh H có đến nhà anh để đòi tiền, nên cha anh là ông C mới đồng ý bảo lãnh và có nghĩa vụ trả nợ thay cho anh. Cha anh có viết giấy bảo lãnh và sau đó có trả cho H số tiền 3.500.000 đồng. Anh đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của ông C, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh H. Buộc bị đơn Lê Văn C có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 56.659.375 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thanh H đối với số tiền 871.625 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 anh Lê Ngọc D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất đã đóng cho anh H trước đây và trách nhiệm trả nợ là của anh chứ không phải của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Ngọc D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm trả nợ cho anh H là của anh và cho rằng anh đã đóng lãi cho anh H số tiền là 10.000.000 đồng. Nhận thấy, anh D vay tiền của anh H là thực tế, được đôi bên thừa nhận. Nhưng sau khi anh viết biên nhận nhận nợ anh D đi khỏi địa phương. Do đó, khi anh H đến nhà đòi nợ thì cha anh D là ông C đã viết giấy lãnh nợ và hẹn trả thay, tuy khi ông C viết giấy lãnh nợ anh D không có mặt tại nơi viết nhưng theo lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh D thừa nhận khoảng 2, 3 ngày sau về có biết và vào thời điểm đó cũng đồng ý để ông C trả thay và thực tế ông C đã thanh toán 3.500.000 đồng. Từ thực tế trên cho thấy, tuy khi thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ thanh toán không đủ mặt ba người nhưng vẫn thể hiện sự thống nhất của của anh D là biết nhưng không phản đối và đã mặc nhiên chấp nhận, ông C cũng đã thực hiện trả tiền cho anh H. Như vậy, trách nhiệm trả nợ đã được chuyển cho ông C. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông C có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho anh H theo giấy lãnh nợ là có căn cứ.

[2] Song nhận thấy rằng tuy theo thỏa thuận khi viết giấy mượn cũng như lãnh nợ đều không thỏa thuận khoản lãi phát sinh, nhưng thực tế anh D và ông C đều không thực hiện đúng lời hứa nên nguyên đơn yêu cầu thêm khoản lãi phát sinh sau thời gian chậm thanh toán, cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

[3] Ngoài ra, anh D cho rằng đã đóng lãi cho anh H số tiền 10.000.000 đồng, nhưng anh H chỉ thừa nhận anh D đã đóng 4.000.000 đồng. Anh D trình bày nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Nên cấp sơ thẩm căn cứ vào sự thừa nhận của anh H, đối trừ trên số tiền 4.000.000 đồng anh D đóng và 3.000.000 đồng ông C trả là có căn cứ.

[4] Nhận thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm anh D cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì khác hơn để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh D.

[5] Như nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của anh D không được chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, về án phí dân sự sơ thẩm, vụ án được thụ lý ngày 03 tháng 01 năm 2017 nhưng cấp sơ thẩm buộc anh H chịu án phí dân sự không giá ngạch 200.000 đồng là không đúng với quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch, anh H phải chịu là 300.000 đồng theo quy định.

Những nội dung khác không kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, anh D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Ngọc D.

Sửa một phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau về án phí dân sự sơ thẩm đối với anh H.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh H. Buộc bị đơn Lê Văn C có trách nhiệm trả cho anh H số tiền 56.659.375 đồng (Năm mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi chín ngàn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thanh H đối với số tiền 871.625 đồng.

Kể từ ngày anh Phạm Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông C chưa thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng. Anh H đã dự nộp 1.500.000 đồng, theo biên lai số 0006505 ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, đối trừ anh H được nhận lại 1.200.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18 tháng 7 năm 2017 anh D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007185 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Thanh Hùng